

## THỰC TRẠNG HỌC THÊM NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN

TRẦN THỊ MINH ĐỨC

*Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQGHN*

Việc chuyển đổi nền kinh tế từ bao cấp sang thị trường đã dẫn đến những đòi hỏi mới xã hội đối với các sản phẩm của giáo dục, đào tạo. Hiện nay, đối với những sinh viên mới rông, để xin được việc làm, ngoài bằng tốt nghiệp loại khá còn phải có bằng ngoại ngữ, th... Mức độ hiểu biết các kiến thức, nghiệp vụ bổ trợ này ít hay nhiều, nông hay sâu phụ thuộc vào yêu cầu của cơ quan nơi tiếp nhận. Đây là một trong những nguyên nhân khiến đại học sinh, sinh viên đang học ở các trường thuộc các thành phố lớn có nhu cầu học thêm ngoại ngữ, đặc biệt là học thêm ngoại ngữ.

Khảo sát 230 sinh viên đại học ở Hà Nội về nhận thức của sinh viên đối với việc học ngoại ngữ, cũng như sự đánh giá của bản thân họ về hiện trạng dạy ngoại ngữ tại các trung tâm chúng tôi thu được một số kết quả sau [1]:

### **Nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên không chuyên ngữ**

Ở Hà Nội hiện nay nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên rất lớn. Trong số những sinh viên không chuyên ngữ được khảo sát, có 89,6% sinh viên đang học thêm ngoại ngữ tại các trung tâm\*. Hầu hết sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có chứng chỉ ngoại ngữ A,B,C và một số có cả bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ.

Điều này cho thấy: việc bổ túc thêm ngoại ngữ hầu như đã được sinh viên nhận thức là một tất yếu khách quan, nhất là khi sự đòi hỏi của xã hội cao hơn kiến thức thu được từ các trường ngoại ngữ chính khoá ở trường. Đây đã là một trong những nguyên nhân chính khiến cho trung tâm dạy ngoại ngữ ở Hà Nội ra đời, cuốn hút được hàng ngàn người tập trung học các buổi chiều tối.

Trong số 10,4 % sinh viên không học thêm ngoại ngữ, đa số nêu nguyên nhân chính là điều kiện kinh tế chưa cho phép và phải đi làm thêm nên không có thời gian đi học ngoại ngữ. Chỉ có rất ít sinh viên không học thêm ngoại ngữ do không thích ngoại ngữ hoặc tự ý không có khả năng tiếp thu ngoại ngữ.

Số liệu khảo sát thực trạng học ngoại ngữ của sinh viên cho thấy : có 48,8% sinh viên học ở trình độ B, 26,1% trình độ C, 24,7% - trình độ A, còn sau C chỉ có 11,3%. Khi so sánh trình độ ngoại ngữ của sinh viên với năm đang học ở đại học, chúng tôi thấy gần như có sự tương quan tỷ lệ thuận: sinh viên năm trên học ngoại ngữ ở trình độ cao hơn sinh viên năm dưới. Có thể nói việc học thêm ngoại ngữ của sinh viên thường được bắt đầu cùng thời gian rời trường đại học hoặc khi sinh viên đang học năm thứ nhất. Tuy nhiên, số sinh viên tốt nghiệp đại học có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương đại học trên thực tế là chưa nhiều.

Đa số sinh viên tốt nghiệp đại học chỉ có bằng ngoại ngữ B hoặc C (bằng của các trung tâm). Phần lớn sinh viên học hết trình độ C đều cảm thấy yên tâm, thoả mãn với *chứng chỉ ngoại ngữ C* của mình. Điều này hiện đang phù hợp với yêu cầu của nhiều cơ quan có nhu

---

\* Tôi viết sử dụng số liệu điều tra về nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên do Nguyễn Thị Mai và Trần Thu Yên (sinh viên K38 khoa Xã hội học - Tâm lý học, ĐHKHXH &NV) thực hiện dưới sự hướng dẫn của tác giả.

câu tuyển người vào làm việc - chỉ cần có chứng chỉ ngoại ngữ B hoặc C. Cách nhận ng theo bằng cấp - chứng chỉ của một số cơ quan bao cấp đã dẫn đến tình trạng sinh viên ngoại ngữ theo phong trào, học ngoại ngữ chỉ vì cái bằng. Trong khi đó, trong thực tế, chứng chỉ B hoặc C sinh viên chưa có khả năng sử dụng được ngoại ngữ cho công việc.

Xem xét ý kiến của sinh viên về khả năng sử dụng ngoại ngữ, kết quả cho thấy: cách đào tạo ngoại ngữ của các trung tâm hiện nay, sinh viên phải học đến trình độ sau (40,8%), hoặc tương đương đại học (54,9%), mới có thể sử dụng được ngoại ngữ vào chuyên môn hoặc để giao tiếp. Chỉ có 5,2% sinh viên được phỏng vấn cho rằng ở trình độ C học thể đọc được sách chuyên môn.

Những nhận định này của sinh viên đã cho thấy thực chất hiểu biết ngoại ngữ của - với các chứng chỉ mà họ đang có - chưa đáp ứng sự đòi hỏi khả năng sử dụng ngoại ngữ trong thực tế. Đồng thời nó phản ánh tính thực dụng mơ hồ trong ý thức học thêm ngoại ngữ của sinh viên.

## 2. Động cơ học ngoại ngữ của sinh viên

Xem xét lý do học thêm ngoại ngữ của sinh viên tại các trung tâm, số liệu cho thấy có 40% sinh viên cho rằng: việc học thêm ngoại ngữ của họ xuất phát từ công việc - công việc đòi hỏi phải biết ngoại ngữ. 30,4% sinh viên học ngoại ngữ vì nghĩ rằng chứng chỉ ngoại ngữ sẽ giúp cho họ dễ dàng tìm việc làm. 28,7% sinh viên học thêm ngoại ngữ tại các trung tâm do muốn mở rộng các mối quan hệ giao lưu với bạn bè. Chỉ có 0,8% sinh viên trả lời rằng họ học ngoại ngữ là vì người thân, hoặc do gia đình yêu cầu. Có thể nói, tuy việc học thêm ngoại ngữ của sinh viên được thúc đẩy bởi nhiều động cơ khác nhau, nhưng phần lớn đều xuất phát từ chính bản thân sinh viên, không phải do sự áp đặt từ bên ngoài.

Nhìn từ góc độ tâm lý, chúng ta có thể lý giải gì cho các kết quả điều tra thực tế về động cơ học ngoại ngữ của sinh viên nói trên?

Thực tế cho thấy, từ khi quan hệ của Việt Nam với nước ngoài ở nhiều khía cạnh được mở rộng và khi Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngoại ngữ là môn thi chuyên ngành bắt buộc, việc học ngoại ngữ của sinh viên mới trở thành một nhu cầu thiết thực đối với họ. Tuy nhiên, với những ngành nghề có liên quan trực tiếp đến ngoại ngữ (ngoại giao, ngoại thương), sinh viên học nghiêm túc và sử dụng thành thạo ngoại ngữ hơn so với những sinh viên học các ngành ít sử dụng đến ngoại ngữ (khi so sánh giữa những sinh viên học cùng trình độ, có cùng một chứng chỉ). Điều đó cũng giải thích được vì sao có non nửa số sinh viên được phỏng vấn cho rằng vì công việc chuyên môn có liên quan đến ngoại ngữ nên phải học ngoại ngữ.

Ngược lại, với một số ngành nghề hoặc với một số cơ quan, việc học và xuất phát từ bằng ngoại ngữ chỉ mang tính hình thức hoặc yêu cầu biết ngoại ngữ không nhiều, nên đã giảm tới động cơ học ngoại ngữ của sinh viên cũng mang tính hình thức - học cho có cái bằng, chứng chỉ. Đó là một trong những lý do khiến cho 1/3 sinh viên được phỏng vấn cho rằng "Học ngoại ngữ chỉ để dễ xin việc làm sau này"! Và điều này cũng là nguồn gốc của hiện tượng dạy và học ngoại ngữ không theo chuyên ngành rõ ràng, dạy và học kiến thức chung chung, đang được phổ biến tại nhiều trung tâm dạy và học ngoại ngữ ở Hà Nội.

Xem xét lý do học ngoại ngữ của sinh viên theo năm học, chúng tôi thấy: số lượng sinh viên quan niệm *học ngoại ngữ vì chuyên môn* ở các năm dưới (đặc biệt là năm thứ nhất) nhiều hơn sinh viên ở các năm trên (51,3%/ 34,2%). Trong khi đó, lượng sinh viên các năm trên quan niệm *có chứng chỉ để dễ xin việc* nhiều hơn lượng các năm dưới (39,5%/17,9%). Như vậy, động cơ thúc đẩy sinh viên học ngoại ngữ ở các lứa tuổi khác nhau (thể hiện năm học) là rất khác nhau. Nó thể hiện nhu cầu học ngoại ngữ mang tính chiến lược đối với sinh viên các năm dưới và tính cấp thiết về nhu cầu học ngoại ngữ mang tính thực dụng, chứng chỉ để xin việc làm, của những sinh viên năm trên.

Động cơ tìm kiếm bạn bè, tạo lập thêm các mối quan hệ trong thời gian theo học tại các trung tâm ngoại ngữ là một trong những lý do gây hứng thú trong việc học thêm ngoại ngữ

của sinh viên. Số liệu khảo sát cho thấy có hơn 1/4 số sinh viên được phỏng vấn quan tâm rằng: trung tâm ngoại ngữ là một trong những nơi để sinh viên tiếp thu những tri thức kiến thức - xã hội thông qua bài học tiếng Anh và đặc biệt là nơi để sinh viên gặp gỡ làm quen với nhau.

### **Đánh giá của sinh viên đối với các trung tâm dạy ngoại ngữ**

Khảo sát lý do chọn nơi học ngoại ngữ, kết quả cho thấy: 36,8% sinh viên thích học ngoại ngữ ở những trung tâm có người nước ngoài dạy, 24% sinh viên thích chọn địa điểm học ở gần nhà, 15,2% sinh viên muốn học ở những nơi có bạn bè thân quen cùng học, 13,6% sinh viên học ở những nơi "nổi tiếng". Chỉ có 10,4% sinh viên học ở những địa điểm ngẫu nhiên - sinh viên không có ý định chọn nơi học này hay nơi học khác.

Nếu xem xét số liệu trên từ các khía cạnh nhận thức và đặc biệt từ khả năng kinh tế của sinh viên, có thể thấy: hầu như tất cả sinh viên đều biết những trung tâm ngoại ngữ nào ở địa phương có chất lượng, có trách nhiệm. Và có rất nhiều sinh viên ước ao được học ở những trung tâm sinh viên.

Chẳng hạn ở những trung tâm có người nước ngoài dạy hiện nay, chương trình và phương pháp dạy, tài liệu, kỹ thuật dạy và học, cũng như phương pháp dạy thường được đảm bảo. Chất lượng đào tạo của học viên được nâng cao. Tuy nhiên, vì kinh phí chi trả khá cao, những trung tâm này chỉ thích hợp với những sinh viên mà gia đình sống ở thành phố, có điều kiện về kinh tế.

Những sinh viên vốn ở nông thôn hiện đang ở trong các khu nội trú của trường đại học, những sinh viên nghèo không có phương tiện đi lại, thường chọn chỗ học thêm ngoại ngữ ở những trung tâm cạnh trường và những trung tâm thu học phí không quá cao.

Yếu tố chọn địa điểm học của sinh viên còn liên quan đến khía cạnh giới tính. Trong số sinh viên không coi trọng khía cạnh tìm bạn quen cùng học, thì nữ sinh viên lại chọn ở những nơi có bạn bè thân quen. Việc muốn có thêm sự "vững vàng", thêm "tự tin" khi tham gia cùng học là một đặc trưng giới mang tính truyền thống rất "nữ" của sinh viên.

Nghiên cứu sự đánh giá của sinh viên về mức độ đào tạo của các trung tâm ngoại ngữ hiện nay, kết quả cho thấy: 45,5% sinh viên cho rằng các trung tâm dạy ngoại ngữ chưa đạt yêu cầu. Nhiều trung tâm phải thuê địa điểm nên không thường xuyên chủ động được lịch giảng dạy, phân bổ các trung tâm thiếu các phương tiện, kỹ thuật dạy và học, chưa tạo được một môi trường ngoại ngữ giáo viên giỏi và có trách nhiệm... 32,5% sinh viên được phỏng vấn cho rằng các trung tâm ngoại ngữ còn nặng về kinh doanh, coi trọng việc thu kinh phí hơn việc đảm bảo chất lượng học tập, chất lượng dạy. Ngoài ra, việc đi học tiếng nước ngoài tại các trung tâm chỉ mang tính mở rộng quan hệ xã hội có thể là một trong những nguyên nhân làm giảm thêm chất lượng học ngoại ngữ của một số sinh viên.

Hầu hết sinh viên đã "vào trường" thì sẽ "ra trường". Về điểm này ta không thể không nói đến trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và đặc biệt sự dễ dãi khi cấp chứng chỉ tốt nghiệp của các trung tâm ngoại ngữ hiện nay.

Chỉ có 21,9% sinh viên được hỏi hài lòng với trung tâm họ đang học, vì họ cho rằng trung tâm này đã đáp ứng được yêu cầu học ngoại ngữ của xã hội. Hiển nhiên đó là những trung tâm có người nước ngoài đầu tư, những trung tâm ra đời từ nhu cầu đào tạo có tiêu chuẩn rõ ràng. Chẳng hạn như các trung tâm ngoại ngữ của trường ngoại thương, trường giao thông, trường kinh tế,...

Tóm lại, nhu cầu học ngoại ngữ hiện nay của sinh viên là rất lớn. Đó là một tất yếu khách quan bị quy định bởi sự phát triển của điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội, cũng như do nhu cầu về việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ cho sinh viên trong các trường đại học. Tuy nhiên việc học ngoại ngữ của sinh viên đây đó còn mang tính hình thức, sinh viên học ngoại ngữ vì phong trào, học nhưng chưa biết để dùng vào việc gì, vì vậy chất lượng học ngoại ngữ còn chưa cao.



Để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ cho sinh viên, các trung tâm ngoại ngữ cần xem lại các khâu như mục tiêu, chương trình và đối tượng đào tạo; điều kiện, phương pháp dạy và học; phương pháp dạy của thầy, phương pháp học của trò; và cuối cùng là khâu kiểm tra - đánh giá kết quả học của người học. [2]

Mặt khác, nên chăng Bộ giáo dục và đào tạo cần có những biện pháp nhằm tăng cường đào tạo ngoại ngữ chính khóa để giảm bớt những chi phí học thêm, chi phí đi lại, gian tự học không cần thiết, v.v... cho sinh viên các trường đại học, đồng thời cung cấp cho họ những lao động trí thức có kiến thức ngoại ngữ thực sự gắn liền với chuyên ngành mà đang được đào tạo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Robert L.Solso. *Cognitive Psychology, third edition*, by Allyn and Bacon, 1991.
2. Nguyễn Đức Chính. *Phương hướng cơ bản của cải cách quy trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ theo quan điểm lấy người học làm trung tâm*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học hội, số 3 (1995)

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Soc., Sci., t. XII, n<sup>o</sup>3, 1996

## REAL SITUATION ON OVERTIME FOREIGN LANGUAGE COURSES OF STUDENTS

TRAN THI MINH DUC

*College of Social Sciences & Humanities - VNU*

Inquiring 230 non - linguistic students who follow overtime course of foreign languages in Hanoi Linguistic Centers Author found:

- Nowadays, students have a high demand in improving their linguistic knowledge. Almost, all the graduates have at least one supplemented foreign language certificate. However, in order to use their foreign language they have to study more and get an after level certification.

- The purpose of foreign language study is quite different: for ones it is required of profession, for others - advantages in finding a job, for thirds - just to have friends...And because of these discrepancies, their knowledge is not the same.

- Most of students have no - best opinion about the quality of evening courses. They think the fee is high. Very little number of students is content of teaching quality.

Maybe, the centers have to change their orientation, method, program and purpose of training and to have more facility in order to improve the quality of languages' courses. Specially more attention should be paid on examining and giving assessment.